UBND PHƯỜNG HOÀNH SƠN **Biểu số 54**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH PHƯỜNG 9 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của UBND phường)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Thực hiện 9 tháng năm 2026	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	**TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH**	**190.222**	**253.312**	**133%**	**395%**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**68.700**	**151.748**	**221%**	**424%**
1	Thu NSĐP hưởng 100%	1.050	819	78%	269%
2	Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia	67.650	150.929	223%	425%
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**121.522**	**96.723**	**80%**	**342%**
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	98.628	73.906	75%	720%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	22.894	22.817	100%	126%
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**				
IV	**Thu kết dư**	**0**	**414**		
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**	**0**	**4.427**		
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH**	**171.972**	**82.217**	**48%**	**384%**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách phường**	**171.972**	**82.217**	**48%**	**384%**
1	Chi đầu tư phát triển	20.400	4.696	23%	49%
2	Chi thường xuyên	148.164	77.011	52%	651%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				

5	Dự phòng ngân sách	3.408	0	0%	
6	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh				
7	Chuyển nguồn 2025 sang 2026				
8	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
	Chi tiết kiệm chi theo NQ 135		510		
II	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**				

UBND PHƯỜNG HOÀNH SƠN **Biểu số 55**

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của UBND phường)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán	Thực hiện 9 tháng năm 2026	Tỷ lệ thực hiện	
				Dự toán	Cùng kỳ năm ngoái
A	**TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	**190.222**	**127.729**	**67%**	**360%**
I	**Thu nội địa**	**68.700**	**61.469**	**89%**	**173%**
1	Thu từ khu vực Quốc doanh	1.000	260	26%	-
2	Thu từ khu vực có VĐT nước ngoài	1.000	30	3%	11%
3	Thu từ khu vực Ngoài Quốc doanh	20.500	25.000	122%	207%
4	Thuế Thu nhập cá nhân	6.000	4.700	78%	242%
5	Lệ phí trước bạ	9.000	6.300	70%	797%
6	Phí, lệ phí	600	2.260	377%	2354%
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100	15	15%	52%
8	Tiền thu mặt đất, mặt nước	2.000	352	18%	32%
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	3.000	3.500	117%	414%
10	Thu tiền sử dụng đất	25.000	18.416	74%	103%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi CS	0	-		
11	Thu khác ngân sách	500	636	127%	158%

B	**THU NGÂN SÁCH XÃ HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**121.522**	**66.260**	**55%**	**234%**

UBND PHƯỜNG HOÀNH SƠN **Biểu số 56**

THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG 9 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 07/10/2026 của UBND phường)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện 9 tháng năm 2026	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH phường	**171.972**	**81.707**	**48%**	**382%**
A	**Chi cân đối ngân sách phường**	**171.972**	**81.707**	**48%**	**382%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**20.400**	**4.696**	**23%**	**49%**
1	Chi đầu tư cho các dự án	20.400	4.696	23%	49%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	**Chi thường xuyên**	**148.164**	**77.011**	**52%**	**652%**
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	53.877	16.024	30%	
2	Chi y tế, dân số và gia đình	2.846	3.120	110%	5291%
3	Chi văn hóa thông tin, thể dục thể thao	1.090	1.291	118%	812%
4	Chi Sự nghiệp tài nguyên môi trường	2.500	1.799	72%	
5	Chi các hoạt động kinh tế	23.718	7.681	32%	3241%
6	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	35.310	23.610	67%	262%
7	Chi bảo đảm xã hội	24.083	18.344	76%	1862%
8	Chi sự nghiệp An ninh	800	1.267	158%	382%
9	Chi sự nghiệp Quốc phòng	1.802	3.017	167%	290%

10	Chi Sự nghiệp Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi	1.150	828	72%	
11	Chi khác	988	30	3%	
III	**Dự phòng ngân sách**	**3.408**		**0%**	
B	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh**	**0**			
1	Chi chương trình MTQG				
2	Chi các dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Chi các nhiệm vụ, chính sách khác	0			
C	**Chuyển nguồn 2025 sang 2026**				